

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH HÀ NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17 /2025/NQ-HĐND

Hà Nam, ngày 25 tháng 6 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi
và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa
ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Hà Nam**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật số 56/2024/QH15 của Quốc hội về sửa đổi Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Thực hiện Kết luận số 137-KL/TW ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp;

Thực hiện Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Thực hiện Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12 tháng 4 năm 2025 Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII;

Thực hiện Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Xét Tờ trình số 1784/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Hà Nam; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận, thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Hà Nam.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng với cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Hà Nam.

Điều 3. Ngân sách các cấp chính quyền địa phương

1. Ngân sách cấp tỉnh
2. Ngân sách cấp xã (gồm: xã, phường).

Chương II

PHÂN CẤP NGUỒN THU VÀ TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%)

PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP

CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG TỈNH HÀ NAM

Điều 4. Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%

1. Lệ phí trước bạ (trừ lệ phí trước bạ nhà đất);
2. Thuế sử dụng đất nông nghiệp do tổ chức, doanh nghiệp nộp thuế;
3. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp do tổ chức, doanh nghiệp nộp thuế;
4. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh quản lý thực hiện (bao gồm cả phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, khí thải công nghiệp, phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt do tổ chức, doanh nghiệp nộp);
5. Lệ phí do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh quản lý thực hiện; Lệ phí môn bài do tổ chức, doanh nghiệp nộp;
6. Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện;
7. Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu;
8. Tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước do cấp tỉnh quản lý;

9. Thu từ bán tài sản nhà nước (không kể thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất nếu có) do các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quản lý;
10. Thu từ xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân do các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh xử lý;
11. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, cấp quyền khai thác tài nguyên nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp phép;
12. Thu từ hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất thuộc cấp tỉnh quản lý;
13. Khoản thu để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa;
14. Tiền thuê đất thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh cho thuê nộp tiền thuê đất một lần và hàng năm;
15. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết kể cả hoạt động xổ số điện toán;
16. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách cấp tỉnh;
17. Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật; đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân cho ngân sách cấp tỉnh;
18. Thu từ Quỹ dự trữ tài chính địa phương;
19. Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh;
20. Các khoản thu khác nộp vào ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật;
21. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương (nếu có);
22. Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp tỉnh từ năm trước chuyển sang.

Điều 5. Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%

1. Thuế sử dụng đất nông nghiệp không kể thuế sử dụng đất nông nghiệp thuộc tổ chức, doanh nghiệp nộp thuế;
2. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp không kể thuế sử dụng đất phi nông nghiệp thuộc tổ chức, doanh nghiệp nộp thuế;
3. Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác do cấp xã quản lý theo quy định của pháp luật;
4. Thu từ hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất nộp ngân sách cấp xã theo chế độ quy định;
5. Tiền thuê đất thuộc thẩm quyền UBND cấp xã cho thuê (đất thầu, khoán).
6. Tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do cấp xã quản lý;
7. Thu từ bán tài sản nhà nước (không kể thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất nếu có) do cấp xã quản lý;

8. Thu từ xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân do cấp xã xử lý;
9. Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh trên địa bàn xã;
10. Các khoản phí, lệ phí giao cho cấp xã tổ chức thu theo quy định;
11. Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do cấp xã thực hiện;
12. Các khoản huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân gồm: các khoản huy động đóng góp theo quy định của pháp luật, các khoản đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho ngân sách cấp xã;
13. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách cấp xã;
14. Thu kết dư ngân sách cấp xã năm trước;
15. Thu chuyển nguồn ngân sách cấp xã năm trước chuyển sang;
16. Các khoản thu khác của ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật;
17. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh.

Điều 6. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa các cấp ngân sách địa phương (đối với các khoản thu ngân sách địa phương được hưởng 100%)

Đơn vị tính: %

STT	Khoản thu	Phân chia tỷ lệ % cho các cấp ngân sách địa phương		
		Ngân sách địa phương được hưởng	Trong đó:	
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã
1	Thuế tài nguyên	100%	100%	
2	Lệ phí trước bạ nhà, đất			
a	Thu trên địa bàn xã	100%	30%	70%
b	Thu trên địa bàn phường	100%	70%	30%
3	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản			
a	Tổ chức, doanh nghiệp nộp phí	100%	100%	
b	Cá nhân, hộ kinh doanh nộp phí	100%	30%	70%
4	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh trên địa bàn phường	100%	70%	30%
5	Thu tiền sử dụng đất (Đối với phần điều tiết ngân sách cấp tỉnh đã bao gồm: (1) trích bổ sung quỹ phát triển đất 5%; (2) bao gồm các chi phí: GPMB, chi ĐTXD CSHT và các chi phí khác liên quan đối với khu đất đấu giá)			
5.1	Thu tiền sử dụng đất khi giao đất:			
a	Hộ gia đình, cá nhân được giao đất ở (trừ trường hợp đất thuộc tổ chức kinh tế bàn giao một phần diện tích đất thương phẩm để tổ chức bán đấu giá).			

STT	Khoản thu	Phân chia tỷ lệ % cho các cấp ngân sách địa phương		
		Ngân sách địa phương được hưởng	Trong đó:	
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã
	Đất trên địa bàn xã	100%	90%	10%
	Đất trên địa bàn phường	100%	100%	
b	Tổ chức kinh tế được giao đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc để bán kết hợp cho thuê; xây dựng công trình hỗn hợp cao tầng, trong đó có diện tích nhà ở để bán hoặc để bán kết hợp cho thuê (kể cả trường hợp tổ chức kinh tế bàn giao một phần diện tích đất thương phẩm để tổ chức bán đấu giá):			
	Các dự án, vị trí cụ thể tại Phụ lục 1 kèm theo Nghị quyết này	100%	100%	
	Đất trên địa bàn xã (trừ các dự án, vị trí cụ thể quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này)	100%	90%	10%
	Đất trên địa bàn phường (trừ các dự án, vị trí cụ thể quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này)	100%	100%	
c	Tổ chức kinh tế được giao đất thực hiện dự án đầu tư hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng (sau đây gọi tắt là đất nghĩa trang, nghĩa địa)			
	Đất trên địa bàn xã	100%	90%	10%
	Đất trên địa bàn phường	100%	100%	
5.2	Tiền chuyển mục đích sử dụng đất: Đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp (không phải là đất ở) có nguồn gốc được giao không thu tiền sử dụng đất hoặc có thu tiền sử dụng đất chuyển sang đất ở hoặc đất nghĩa trang, nghĩa địa:			
a	Hộ gia đình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển sang sử dụng làm đất ở			
	Đất trên địa bàn xã	100%	90%	10%
	Đất trên địa bàn phường	100%	100%	
b	Tổ chức kinh tế được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển sang sử dụng làm đất ở			
	Đất trên địa bàn xã	100%	90%	10%
	Đất trên địa bàn phường	100%	100%	
c	Tổ chức kinh tế được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển sang sử dụng làm đất nghĩa trang, nghĩa địa			

STT	Khoản thu	Phân chia tỷ lệ % cho các cấp ngân sách địa phương		
		Ngân sách địa phương được hưởng	Trong đó:	
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã
	Đất trên địa bàn xã	100%	90%	10%
	Đất trên địa bàn phường	100%	100%	
5.3	Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất làm nhà ở, đất phi nông nghiệp được Nhà nước công nhận có thời hạn lâu dài trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất			
	Đất trên địa bàn xã	100%	90%	10%
	Đất trên địa bàn phường	100%	100%	
5.4	Thu tiền sử dụng đất từ quỹ đất 20% để xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ (<i>Khoản thu này không trích bổ sung quỹ phát triển đất, toàn bộ nguồn thu để xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh theo quy định</i>)	100%	100%	
5.5	Cơ chế đặc thù thu tiền sử dụng đất: Trường hợp địa phương phải thực hiện các công trình, dự án trọng điểm, mang tính chất liên kết vùng, lan tỏa, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, địa phương xác định quỹ đất (<i>các dự án nhà ở, đô thị, đấu giá, quyền sử dụng đất...</i>) báo cáo và trình Hội đồng nhân dân tỉnh có cơ chế đặc thù riêng để tạo nguồn vốn đầu tư các công trình, dự án tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của tỉnh.			

Điều 7. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (phần ngân sách địa phương được hưởng được coi như 100% phân chia cho ngân sách các cấp địa phương)

1. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước do cơ quan trung ương cấp phép phân ngân sách địa phương được hưởng 30% theo quy định điều tiết cho ngân sách cấp tỉnh 100% (*phần còn lại 70% điều tiết cho ngân sách trung ương theo quy định tại Nghị định 67/2019/NĐ-CP quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản*).

2. Các khoản thu thuế

Đơn vị tính: %

STT	Khoản thu	Phân chia tỷ lệ % cho các cấp ngân sách địa phương		
		Ngân sách địa phương (100%)	Trong đó	
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã
1	Thuế giá trị gia tăng (không kể thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu và hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí)			
a	Tổ chức, doanh nghiệp nộp thuế	100%	100%	
b	Cá nhân, hộ kinh doanh nộp thuế	100%	70%	30%
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí) kể cả doanh nghiệp hạch toán phụ thuộc	100%	100%	
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt (không kể thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu) thuộc tổ chức, doanh nghiệp nộp thuế			
a	Tổ chức, doanh nghiệp nộp thuế	100%	100%	
b	Cá nhân, hộ kinh doanh nộp thuế	100%	30%	70%
4	Thuế thu nhập cá nhân	100%		
a	Thuế thu nhập cá nhân (không kể thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản; hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân trên địa bàn xã, phường)	100%	100%	
b	Thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản; hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân trên địa bàn xã, phường	100%	70%	30%
5	Thuế bảo vệ môi trường (không kể thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu)	100%	100%	

Điều 8. Tiền chậm nộp

1. Đối với khoản thu tiền chậm nộp được hạch toán riêng theo từng tiểu mục: Thực hiện điều tiết cho các cấp ngân sách theo khoản thu phát sinh tiền chậm nộp.

2. Đối với khoản thu tiền chậm nộp nhưng không được hạch toán riêng (chưa có tiểu mục để hạch toán riêng tiền chậm nộp) thực hiện điều tiết cho các cấp ngân sách theo nguyên tắc: Số thu tiền chậm nộp từ khoản thu gắn với chính quyền cấp nào quản lý thì điều tiết cho ngân sách cấp đó 100%. Riêng khoản thu tiền chậm nộp do đơn vị thuộc cấp trung ương quản lý nhưng địa phương được hưởng thì điều tiết cho ngân sách cấp tỉnh 100%.

Chương III
PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH
CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG TỈNH HÀ NAM

Điều 9. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh

1. Chi đầu tư phát triển

a) Đầu tư cho các dự án thuộc phạm vi tỉnh quản lý: các dự án đầu tư công do các Sở, ban, ngành, đơn vị của tỉnh quản lý, sử dụng; dự án liên quan đến quy hoạch vùng; dự án liên xã, phường trong tỉnh; dự án có ý nghĩa chiến lược và trọng điểm; dự án sử dụng vốn ODA và dự án do doanh nghiệp làm chủ đầu tư có sử dụng vốn đầu tư công;

b) Đầu tư cho các dự án đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp; hỗ trợ địa phương khác đầu tư xây dựng dự án, công trình trọng điểm, liên kết vùng, liên kết quốc gia, liên kết quốc tế, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ quan trọng khác.

c) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của tỉnh theo quy định của pháp luật;

d) Chi cho hoạt động quy hoạch theo quy định của Luật quy hoạch số 21/2017/QH14;

đ) Cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý và uỷ thác cho vay qua ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng khác theo quyết định của Chính phủ hoặc quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

e) Các khoản chi đầu tư khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên

a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: Chi giáo dục trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, hướng nghiệp nghề nghiệp và sự nghiệp giáo dục khác do tỉnh quản lý. Chi đào tạo cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề. Chi bồi dưỡng lý luận chính trị, đào tạo lại và bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ công chức, viên chức, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo khác do tỉnh quản lý. Thực hiện các chế độ, chính sách của ngành giáo dục theo quy định.

b) Sự nghiệp khoa học và công nghệ: Chi nghiên cứu, thực hiện chương trình, đề tài khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đo lường chất lượng, phát triển công nghệ và các hoạt động khoa học công nghệ khác theo quy định;

c) Chi quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội thuộc cấp tỉnh quản lý: Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự; an toàn xã hội do ngân sách cấp

tỉnh thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về quản lý, sử dụng ngân sách và tài sản của Nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh;

d) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình:

- Chi công tác phòng bệnh, khám chữa bệnh của bệnh viện tuyến tỉnh, trung tâm y tế khu vực, Bệnh viện đa khoa khu vực Nam Lý; công tác chăm sóc sức khỏe cán bộ; công tác điều dưỡng phục hồi chức năng; an toàn thực phẩm; dân số kế hoạch hóa gia đình và các hoạt động y tế khác thuộc tỉnh quản lý;

- Chi hỗ trợ mua thẻ Bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định.

đ) Sự nghiệp văn hóa thông tin: Công tác bảo tồn, bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật; hoạt động thông tin truyền thông, xuất bản báo chí; kinh phí trùng tu, tôn tạo và phát huy di tích, tổ chức lễ hội và sự kiện, hoạt động phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, thực hiện các hoạt động về gia đình và hoạt động văn hóa khác do tỉnh quản lý;

e) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình: Hoạt động phát thanh, truyền hình do cấp tỉnh quản lý;

g) Sự nghiệp thể dục, thể thao: Bồi dưỡng, đào tạo huấn luyện vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh; các giải thi đấu cấp tỉnh; chế độ dinh dưỡng, đãi ngộ đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung tập huấn; quản lý các cơ sở thi đấu thể dục, thể thao thuộc tỉnh và các hoạt động thể dục, thể thao khác thuộc tỉnh quản lý;

h) Sự nghiệp bảo vệ môi trường: Hoạt động hệ thống quan trắc và phân tích môi trường; kiểm soát ô nhiễm; quản lý, điều tra, đánh giá chất thải; phân loại, xử lý rác thải sinh hoạt, bảo tồn đa dạng sinh học; hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường; các Đề án, dự án nhiệm vụ và các hoạt động bảo vệ môi trường khác theo quy định thuộc tỉnh quản lý;

i) Chi các hoạt động kinh tế

- Sự nghiệp giao thông: Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cầu đường, đê điều và các công trình giao thông khác thuộc cấp tỉnh quản lý; lập biển báo, các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông của các tuyến đường do tỉnh quản lý và các nhiệm vụ khác về hoạt động giao thông của tỉnh;

- Sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn: Chi đảm bảo các nhiệm vụ về thủy lợi và phòng chống thiên tai của tỉnh; chi cho các hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, thủy sản; công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; Bảo vệ, phòng; chống cháy rừng; bảo vệ nguồn lợi thủy sản; xây dựng nông thôn mới và các hoạt động phát triển nông thôn khác do tỉnh quản lý;

- Sự nghiệp tài nguyên: Quản lý đất đai; đo đạc và bản đồ; địa chất và khoáng sản; tài nguyên nước; khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu;

viễn thám đa dạng sinh học; các nhiệm vụ khác liên quan đến sự nghiệp tài nguyên theo quy định do tỉnh quản lý.

- Lĩnh vực quy hoạch, xúc tiến đầu tư, thương mại du lịch: Thực hiện các nhiệm vụ theo Đề án được phê duyệt, chương trình phát triển du lịch của tỉnh, các hoạt động xúc tiến thương mại; Chi quy hoạch thực hiện nhiệm vụ chi đánh giá quy hoạch theo quy định của Luật quy hoạch số 21/2017/QH14;

- Các sự nghiệp kinh tế khác thuộc tỉnh quản lý.

k) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam thuộc cấp tỉnh; Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh (bao gồm có các tổ chức chính trị - xã hội sát nhập vào Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh);

l) Hỗ trợ hoạt động các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc tỉnh theo quy định của pháp luật;

m) Sự nghiệp bảo đảm xã hội: Chi thực hiện các chính sách bảo trợ xã hội, công tác cứu tế xã hội, cứu đói, xóa đói giảm nghèo, phòng chống tệ nạn xã hội, chương trình quản lý phòng chống mại dâm, thăm hỏi tặng quà các đối tượng chính sách xã hội nhân ngày lễ tết, chế độ chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, người có công điều trị điều dưỡng và các hoạt động đảm bảo xã hội khác do tỉnh thực hiện.

n) Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ:

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ cho các đơn vị thuộc cấp trên quản lý đóng trên địa bàn trong trường hợp cần khẩn trương huy động lực lượng cấp trên khi xảy ra thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và các trường hợp cấp thiết khác để bảo đảm ổn định tình hình kinh tế - xã hội, an ninh và trật tự, an toàn xã hội của tỉnh;

- Các đơn vị cấp trên quản lý đóng trên địa bàn khi thực hiện chức năng của mình, kết hợp thực hiện một số nhiệm vụ theo yêu cầu của cấp dưới;

- Hỗ trợ các địa phương khác khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa nghiêm trọng.

o) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả nợ lãi, phí và các chi phí phát sinh từ các khoản tiền do chính quyền cấp tỉnh vay.

4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính tỉnh.

5. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp tỉnh.

6. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã.

7. Chi viện trợ.

Điều 10. Nhiệm vụ chi ngân sách cấp xã

1. Chi đầu tư phát triển

1.1. Đối với các xã

a) Đầu tư cho các dự án đầu tư công do cấp xã quản lý, sử dụng: Trụ sở làm việc; các trường trung học cơ sở, tiểu học, mầm non; trạm y tế; các công trình giao thông, thủy lợi văn hóa, thể thao, điện chiếu sáng, cấp thoát nước, giao thông nội thị, an toàn giao thông, vệ sinh đô thị và các công trình phúc lợi công cộng khác;

b) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

1.2. Đối với các phường: Các phường có nguồn tăng thu tiết kiệm chi, sau khi đã đảm bảo đầy đủ các nhiệm vụ chi thường xuyên thì được sử dụng để đầu tư cho các dự án đầu tư công do phường quản lý: Trụ sở làm việc; các trường trung học cơ sở, tiểu học, mầm non; trạm y tế; các công trình giao thông, thủy lợi văn hóa, thể thao, điện chiếu sáng, cấp thoát nước, giao thông nội thị, an toàn giao thông, vệ sinh đô thị và các công trình phúc lợi công cộng khác.

2. Chi thường xuyên

a) Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề: Chi các hoạt động giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở. Hỗ trợ cán bộ công chức cấp xã đi học tập, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn theo quy định. Thực hiện các chế độ, chính sách của ngành giáo dục theo quy định.

b) Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội: Nội dung nhiệm vụ chi của ngân sách xã cho an ninh, quốc phòng theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ về quản lý, sử dụng ngân sách và tài sản của Nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh và theo quy định của Luật ngân sách nhà nước;

c) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: Hoạt động của Trạm Y tế xã, phường; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân xã thực hiện nhiệm vụ về phòng bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân trên địa bàn (nếu có). Hỗ trợ kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định,...;

d) Sự nghiệp văn hóa thông tin: Hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân xã cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực văn hóa (nếu có); nhà văn hóa, thư viện; công tác duy tu bảo dưỡng các thiết chế văn hóa; tổ chức lễ hội và sự kiện, hoạt động phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; ... thuộc cấp xã quản lý theo quy định;

đ) Sự nghiệp phát thanh, truyền thanh: Hoạt động phát thanh; truyền thanh và các hoạt động thông tin khác thuộc cấp xã;

e) Sự nghiệp thể dục, thể thao: Công tác bồi dưỡng, tập huấn, tổ chức các giải thi đấu thể dục, thể thao và các hoạt động thể dục, thể thao phong trào thuộc cấp xã quản lý;

g) Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường: Thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải sinh hoạt, hỗ trợ trang thiết bị thu gom rác thải sinh hoạt, vệ sinh

môi trường ở khu dân cư nơi công cộng, làng nghề, khai thông cống rãnh, thoát nước và các nhiệm vụ khác về bảo vệ môi trường thuộc cấp xã quản lý;

h) Các hoạt động kinh tế bao gồm:

- Sự nghiệp giao thông: Duy tu, sửa chữa đường và các công trình giao thông khác, lập biển báo, các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đường do cấp xã quản lý và các nhiệm vụ khác về hoạt động giao thông của xã, phường;

- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn: Thực hiện các nhiệm vụ về thủy lợi, thủy sản và phòng chống thiên tai của xã; các hoạt động nông nghiệp, ngư nghiệp; công tác khuyến nông, khuyến ngư; xây dựng nông thôn mới và các hoạt động phát triển nông nghiệp thôn khác do cấp xã quản lý;

- Sự nghiệp tài nguyên: Quản lý đất đai; đo đạc và bản đồ; địa chất và khoáng sản; tài nguyên nước; khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu; các nhiệm vụ khác liên quan đến sự nghiệp tài nguyên theo quy định do cấp xã quản lý.

- Sự nghiệp thị chính: Duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, giao thông nội thị, hệ thống cấp thoát nước, tiền điện thấp sáng trên đường phố, cây xanh và các hoạt động sự nghiệp thị chính khác do cấp xã quản lý;

- Các sự nghiệp kinh tế khác do cấp xã quản lý.

i) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam thuộc xã, phường; Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội sát nhập vào Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc).

k) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp thuộc cấp xã theo quy định.

l) Sự nghiệp bảo đảm xã hội: Chi phụ cấp hàng tháng cán bộ xã nghỉ việc theo Quyết định 130-CP ngày 20/6/1975 và Quyết định 111-HĐBT ngày 13/10/1981 của Hội đồng Bộ trưởng; chi thực hiện các chính sách bảo trợ xã hội, công tác cứu tế xã hội, cứu đói, xóa đói giảm nghèo, chúc thọ, mừng thọ, thăm hỏi ngày lễ tết các đối tượng chính sách; hỗ trợ mai táng phí cho các đối tượng theo quy định và các hoạt động đảm bảo xã hội khác do cấp xã thực hiện;

m) Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ:

- Ngân sách cấp xã hỗ trợ cho các đơn vị thuộc cấp trên quản lý đóng trên địa bàn trong trường hợp cần khẩn trương huy động lực lượng cấp trên khi xảy ra thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và các trường hợp cấp thiết khác để bảo đảm ổn định tình hình kinh tế - xã hội, an ninh và trật tự, an toàn xã hội theo khả năng cân đối;

- Các đơn vị cấp trên quản lý đóng trên địa bàn khi thực hiện chức năng của mình, kết hợp thực hiện một số nhiệm vụ theo yêu cầu của cấp dưới;

- Chi hỗ trợ các địa phương khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa nghiêm trọng.

n) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp xã.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2025.

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện phân chia nguồn thu và nhiệm vụ chi cho các cấp ngân sách theo quy định tại nghị quyết này từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 và áp dụng cho năm ngân sách 2025.

2. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết sau:

a) Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Hà Nam;

b) Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cơ chế đặc thù về điều tiết nguồn thu tiền sử dụng đất từ các vị trí đất giá quyền sử dụng đất cho ngân sách huyện Thanh Liêm để tạo nguồn vốn thực hiện Đề án xây dựng Trung tâm hành chính huyện Thanh Liêm đến năm 2025;

c) Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi Khoản 1 Điều 9 của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Hà Nam kèm theo Nghị quyết 10/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam;

d) Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cơ chế đặc thù về điều tiết nguồn thu tiền sử dụng đất cho ngân sách cấp tỉnh để tạo nguồn vốn đầu tư các dự án quan trọng phát triển kinh tế - xã hội địa phương;

đ) Nghị quyết 03/2023/NQ-HĐND ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cơ chế đặc thù về điều tiết nguồn thu tiền sử dụng đất cho ngân sách cấp tỉnh để tạo nguồn vốn đầu tư các dự án quan trọng phát triển kinh tế - xã hội địa phương;

e) Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cơ chế đặc thù về điều tiết nguồn thu tiền sử dụng đất từ các dự án có thu tiền sử dụng đất cho ngân sách huyện Thanh Liêm và huyện Bình Lục để tạo nguồn lực thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

g) Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi một số Điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 10 năm 2021 và Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam;

h) Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Hà Nam ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

i) Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi Điều 4 Chương II Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Hà Nam ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam.

Điều 12. Tổ chức thực hiện.

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

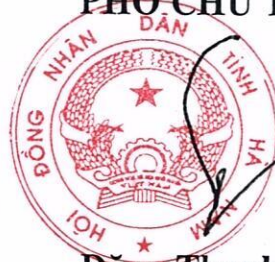
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam Khóa XIX, Kỳ họp thứ hai mươi chín (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2025./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; UBND TTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, các Tổ, các ĐB HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Tư pháp;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Thanh Sơn